TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/DS-PT
Ngày: 18/5/2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Thuấn

Ông Võ Văn Lịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm 1929 (đã chết 08/01/2014).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

- Bà Đoàn Thị H (vợ ông Th), sinh năm 1933 (đã chết 17/5/2016).

- Bà Huỳnh Thị Thu Đ, sinh năm 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Huỳnh Kim Th, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Huỳnh Văn S (HUYNH S VAN), sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 216 WHIFRBE GREENVALLEY NEW 2168 AUSTRALIA.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Văn S là ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm: 1972 theo giấy ủy quyền ngày 08/12/2017 (Có mặt).

- Ông Huỳnh Văn Tr (Vắng mặt).

Địa chỉ: 1917 BRADFORD PL HARVEL LA 70058 USA.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Văn Tr là ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm: 1972 theo giấy ủy quyền ngày 12/3/2015 (Có mặt).

Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1955 (Có mặt)

Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1966 (Có mặt)

Bà Trần Thị Kh, sinh năm 1955 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Kh - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Th trình bày:* Ông có diện tích 12.958m^2, loại đất trồng lúa, tại thửa số 141A, tờ bản đồ 3-5, toạ lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang, ông được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/10/2011. Nguồn gốc đất này ông được cha mẹ chia cho ông trước khi trang trãi ruộng đất, ông đã sử dụng ổn định lâu dài từ đó đến nay.

Vào năm 2012, do ông lớn tuổi nên đã giao cho con là Huỳnh Thị Thu Đ mướn Ro Be vào khai phá, sang lắp mặt bằng để nuôi tôm, trồng lúa theo quy định thì ông Trần Văn Ph và hai người em là bà Trần Thị Kh, bà Trần Thị Tr cho rằng khi bà Lâm Thị L còn sống có hứa cho ba anh em các ông bà phần đất 03 công tầm 3m nằm trong diện tích 12.958m^2 của ông nên ngăn cản gia đình ông Th sử dụng diện tích đất nói trên.

Ngày 20/4/2012, ông Th khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Ph, bà Kh, bà Tr trả lại cho ông 3.000m^2 đất ruộng nằm trong tổng diện tích 12.958m^2 tại thửa 141-A, tờ bản đồ 3-5 do UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 13/10/2011.

Ngày 31/01/2013, Ông Huỳnh Văn Th khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Ph, bà Kh, bà Tr trả lại diện tích 5.150m^2 nằm trong tổng diện tích 12.958m^2 tại thửa 141-A, do đo đạc thực tế phần đất tranh chấp là 5.150m^2 (chưa trừ lộ giới).

Đến ngày 08/01/2014 ông Th chết. Toà án đưa vợ ông Th là bà Đoàn Thị H cùng các con ông Th, gồm bà Huỳnh Thị Thu Đ, Huỳnh Kim Th, Huỳnh Văn Ch, Huỳnh Văn Tr, Huỳnh Văn S tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Huỳnh Huỳnh Thành.

Đến ngày 17/5/2016 bà Đoàn Thị H chết.

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Th và bà Đoàn Thị H (vợ ông Th) là bà Huỳnh Thị Thu Đ, bà Huỳnh Kim Th và ông Huỳnh Văn Ch trình bày:* Các ông, bà vẫn thống nhất lời trình bày của cha mẹ và yêu cầu của cha ông trước đây là yêu cầu Toà án giải quyết công nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 4.762m^2, trừ lộ giới 245m^2, còn lại 4.517m^2 tại thửa số 141-A, tờ bản đồ số 3-5, đất toạ lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang là của ông Th để lại cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Th và bà Đoàn Thị H là bà Huỳnh Thị Thu Đ, bà Huỳnh Kim Th, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn S và Huỳnh Văn Tr được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có tổng diện tích 4.762m^2, trừ lộ giới 245m^2, còn lại 4.517m^2 tại thửa số 141-A, tờ bản đồ số 3-5, đất toạ lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang, tạm giao cho bà Huỳnh Thị Thu Đ quản lý sử dụng và giao cho ông Ph, bà Tr, bà Kh được quyền sử dụng diện tích đất mương 388m^2, trừ lộ giới 27,7m^2, còn lại 360,3m^2, tại thửa số 141-A, tờ bản đồ số 3-5, đất toạ lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/10/2011.

** Bị đơn ông Trần Văn Ph trình bày*: Ông là anh ruột của bà Trần Thị Tr và Trần Thị Kh, mẹ ông tên là Quách Thi B chết vào ngày 09/10/ 2008, bà ngoại ông tên là Lâm Thị L, Lúc sinh thời bà ngoại ông sinh được 02 người con là Quách Thi B và Ông Huỳnh Văn Th.

Trước đây bà Lâm Thị L còn sống có tạo lập được khoảng 50 công đất ruộng và 20 công đất vườn toạ lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Phần đất ruộng bà L chia cho mẹ ông là bà Quách Thi B 25 công, cho cậu ông là Ông Huỳnh Văn Th 25 công. Tuy nhiên, phần đất của ông Th thì Nhà nước thu hồi để chia lại cho dân.

Đối với phần đất vườn của bà L còn lại là 20 công thì bà L canh tác, lúc này ông Huỳnh Văn S là con ruột ông Th ở đậu nhà bà L nên khi ông Sử đi vượt biên ra nước ngoài, thì Nhà nước cho rằng đất này của ông Sử nên đã thu hồi phần đất này của bà L vào khoảng năm 1982, 1983. Thời điểm này Nhà nước mới cấp phần đất này lại cho người khác và đuổi bà ngoại tôi ra khỏi khu đất. Thấy vậy ông Ph cùng hai người em là bà Tr và bà Kh chăm sóc bà L và động viên bà làm đơn đi đòi Nhà nước trả lại phần đất này cho bà.

Trong thời gian anh em ông đi đòi đất cùng bà L thì bà L có nói, nếu ba anh em ông đòi lại được đất thì bà sẽ cho ba anh em ông là Phước, Trầm, Khanh 04 công đất tầm nhỏ (phần đất hiện nay tranh chấp với gia đình ông Th), coi như là trả công cho ba anh em ông, trả công bằng đất chứ không trả bằng tiền, nếu trả bằng tiền thì anh em ông xài hết. Ba anh em ông đi đòi đất cùng với bà ngoại đến khoảng năm 1884 -1985 thì Nhà nước trả lại đất cho ngoại ông.

Sau khi lấy lại được 20 công đất thì bà L giao toàn bộ cho Ông Huỳnh Văn Th là con ruột bà sử dụng, phần đất này trước đây có cây dừa và dừa nước, ông Th sử dụng và bán trái dừa, lá dừa nước hàng năm. Thời điểm này, ông Th sống ở Rạch Sỏi nên bà L cùng sống với ông Th, ông Th chỉ tới lui hái dừa bán và bán lá dừa trên đất.

Bà Lâm Thị L chết vào năm 1991, sau khi bà L chết thì ông Th vẫn tiếp tục sử dụng phần đất bà L cho, đến khoảng năm 2011 ông Th mới về ở trên phần đất bà L cho tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Lúc này ông Th có làm thủ tục để xin Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị L cho và ông có đến gặp ông và bà Kh, Tr nhờ ký giáp ranh để ông làm quyền sử dụng đất. Ông mới hỏi ông Th việc bà ngoại (bà L) hứa cho ông và bà Kh, bà Tr 03 công đất thì sao, ông Th nói con ký giáp ranh đi sau này tính, anh em ông không ký giáp ranh, ông Th nói anh em ông không ký thì ông cũng làm được.

Sau khi ông Th làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì kêu máy RoBe vào phá cây để sang lắp mặt bằng cả phần đất bà ngoại hứa cho anh em ông trước đây nên anh em ông đã ngăn cản không cho khai phá và tranh chấp đến nay.

Lúc ngoại ông còn sống, ông có hỏi về việc bà hứa cho anh em ông ba công đất nhưng bà ngoại ông nói cứ từ từ. Vì ngoại có một người con trai duy nhất là ông Th, ông Th không chịu cho. Sau này, anh em ông có hỏi ông Th về việc bà ngoại hứa cho đất cho ba anh em ông thì ông Th cũng nói từ từ.

Nay ông Th và bà H vợ ông Th đã chết nên yêu cầu các con ông Th là bà Đ, bà Thu, ông Ch trả lại cho ông và bà Kh, bà Tr diện tích đất bà L hứa cho theo đo thực tế 4.762m^2, trừ lộ giới 245m^2, còn lại 4.517m^2 và phần đất mương của anh em ông có diện tích 388m^2, trừ lộ giới 27,7m^2, còn lại 360,3m^2, hai diện tích nằm trong thửa 141-A tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn bà Trần Thị Kh, bà Trần Thị Tr trình bày:* Các bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Trần Văn Ph.

* *Tại bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. Công nhận cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Th và bà Đoàn Thị H là bà Huỳnh Thị Thu Đ, bà Huỳnh Kim Th, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn S và Huỳnh Văn Tr được quyền sử dụng phần đất đang tranh chấp có tổng diện tích 4.762m^2, trừ lộ giới 245m^2, còn lại 4.517m^2 tại thửa số 141-A, tờ bản đồ số 3-5, đất tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Diện tích đất có số đo và vị trí như sau:

Phía Bắc giáp tim lộ nông thôn, có cạnh BC = 41m;

Phía Nam, giáp đất bà Trần Thị Ả, cạnh KH = 37,6m;

Phía Đông, chiều dài giáp phần đất mương (giao cho ông Ph, bà Kh, bà Tr sử dụng), cạnh BH = 218,5m;

Phía Tây, chiều dài giáp thửa đất còn lại thửa 141A, cạnh CK = 119,3m2 .

- Tạm giao cho bà Huỳnh Thị Thu Đ quản lý và sử dụng theo yêu cầu của ông Huỳnh Văn Ch, bà Huỳnh Kim Th và bà Huỳnh Thị Thu Đ.

Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc sử dụng đất hợp pháp nêu trên của người thừa kế của Ông Huỳnh Văn Th và bà Đoàn Thị H.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2012 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn Ch, bà Huỳnh Thị Th và Huỳnh Thị Thu Đ về việc giao cho ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr và bà Trần Thị Kh được quyền sử dụng diện tích đất mương đang tranh chấp 388m^2, trừ lộ giới 27,7m^2, còn lại 360,3m^2 tại thửa số 141-A, tờ bản đồ số 3-5, đất toạ lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Diện tích đất có vị trí và số đo như sau:

Phía Bắc giáp tim lộ, cạnh AB = 4,7m;

Phía Đông, giáp thửa đất số 141A còn lại của ông Th, cạnh BH = 128,2m;

Phía Nam giáp đất bà Trần Thị Ảnh , cạnh HL =1,4m;

Phía Tây giáp Trần Thị Tr, cạnh AL = 128,5m.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2012 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Kiến nghị UBND huyện A điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự đúng với diện tích thực tế đang sử dụng khi các đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, chi phí phiên dịch, lệ phí ủy thác tư pháp và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

** Ngày 21/3/2017 ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Khcó đơn kháng cáo và ngày 13/7/2017 ông Ph, bà Tr, bà Kh có đơn kháng cáo bổ sung*: Ông Ph, bà Tr, bà Kh không đồng ý bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A tuyên xử giao 4.762m^2, trừ lộ giới 245m^2, còn lại 4.517m^2 tại thửa số 141-A, tờ bản đồ số 3-5, đất tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ông Huỳnh Văn Th và bà Đoàn Thị H được sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Kh và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ kiện của ông Th đúng thẩm quyền, sau khi ông Th, bà H mất, mới phát sinh người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng có nhân tố nước ngoài gồm ông S, ông Trí, áp dụng Điều 412 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011 và điểm 5 Điều 7 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ kiện không thay đổi thẩm quyền giải quyết. Phía ông S, ông Trí không kháng cáo, đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng, nên Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của của ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Kh, Hội đồng xét xử xét về nguồn gốc đất tranh chấp các bên đều thừa nhận là của cụ Lâm Thị Liễu mẹ của ông Th (cha của bà Đ, bà Th, ông S, ông Tr, ông Ch) và bà B (mẹ của ông Ph, bà Tr, bà Kh). Lúc còn sống cụ Liễu có cho bà Quách Thi B khoảng 25 công đất ruộng, vườn tầm 3 mét tại ấp T, xã Y, huyện A và bà Ba đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi bà B mất đã để lại phần đất nêu trên cho ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Kh. Cụ Liễu cũng tặng cho ông Th 20 công đất ruộng, vườn tầm 3 mét tại ấp T, xã Y, huyện A, phía gia đình ông Th đã sử dụng liên tục trên 30 năm và đã đứng tên trong sơ đồ địa chính vào năm 1993. Đến năm 2011, ông Th kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/10/2011 với diện tích 12.958 m^2 loại đất cây lâu năm (CLN) tại thửa 141 A, thửa đất số 3-5 tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện A là phần đất tranh chấp và phần diện tích 6.238m^2 loại đất ở nông thôn (ONT) và cây lâu năm (CLN) tại thửa 141, thửa đất số 3-5 tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện A là phần đất không tranh chấp (bút lục 45), phía bị đơn cũng thừa nhận việc gia đình ông Th sinh sống ở Rạch S, Rạch G đã sử dụng liên tục phần đất tranh chấp là vào hái trái dừa, lá dừa nước để đem bán, những người dân sinh sống tại địa phương cũng thừa nhận việc này (bút lục 205 - 207). Đến khoảng năm 2011 - 2012, gia đình ông Th vào trực tiếp cải tạo đất vườn tạp để trồng lúa, nuôi tôm theo quy định của chính quyền địa phương thì bị ông Ph, bà Tr, bà Kh ngăn cản với lý do trước đây cụ Liễu còn sống có hứa thưởng cho 03 công đất, theo đo đạc thực tế đất tranh chấp diện tích 4.726m^2 vì có công cùng cụ Liễu đòi chính quyền địa phương trả lại đất. Việc khai nại của ông Ph, bà Tr, bà Kh không được phía ông Th, các con ông Th thừa nhận và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

[3] Tại công văn số 32/UBND - NCPC ngày 06/03/2013 và Công văn số 453/UBND - NCPC ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện A đã trả lời phần đất các bên tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Th là cấp đúng trình tự, thủ tục theo pháp luật đất đai. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa

án đã trao đổi với Ủy ban nhân dân huyện A để làm sáng tỏ nội dung phía bị đơn kháng cáo nêu ra, nhưng tại Công văn số số 110/ UBND - NCPC ngày 27/03/2018 của Ủy ban nhân dân huyện A cũng xác định việc cụ L đã tặng cho đất cho ông Th trước khi nhà nước trang trãi đất năm 1983. Đến năm 1993 tiến hành đo đạc lập sơ đồ địa chính thì ông Th đứng tên trên sơ đồ địa chính. Còn việc bị đơn cho rằng Ủy ban nhân dân huyện A thu hồi 20 công đất vườn của cụ L do ông Huỳnh Văn S là con ông Th ở đậu nhà cụ L khoảng năm 1982 -1983, sau đó đi vượt biên, thì Ủy ban nhân dân không có hồ sơ lưu trữ nên không xác định được.

Như vậy, phía ông Ph, bà Tr, bà Kh kháng cáo nhưng không cung cấp đươc chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất tranh chấp là của mình, nên trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Khvà giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Khphải nộp mỗi người 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Kh.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng Điều 256, Điều 259 Bộ luật dân sự 2005; Điều 50, Điều 105, Điều 106, Điều 135, Điều 136 Luật Đất đai; Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Th và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Th.

1. Công nhận và giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn Th và bà Đoàn Thị H là bà Huỳnh Thị Thu Đ, bà Huỳnh Kim Th, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn S và Huỳnh Văn Tr được quyền sử dụng phần đất đang tranh chấp có tổng diện tích 4.762m^2, trừ lộ giới 245m^2, còn lại 4.517m^2 tại thửa số 141-A, tờ bản đồ số 3-5, đất tọa lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Diện tích đất có số đo và vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp tim lộ nông thôn, có cạnh BC = 41m;

- Phía Nam, giáp đất bà Trần Thị A, cạnh KH = 37,6m;

- Phía Đông, chiều dài giáp phần đất mương (giao cho ông Ph, bà Kh, bà Tr sử dụng), cạnh BH = 218,5m;

- Phía Tây, chiều dài giáp thửa đất còn lại thửa 141A, cạnh CK = 119,3m^2.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2012 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Tạm giao cho bà Huỳnh Thị Thu Đ quản lý và sử dụng theo yêu cầu tự nguyện của ông Huỳnh Văn Ch, bà Huỳnh Kim Th và bà Huỳnh Thị Thu Đ.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi của ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị Khvà những người khác ngăn chặn, cản trở việc quản lý, sử dụng quyền sử dụng diện tích đất hợp pháp nêu trên của những người thừa kế di sản Ông Huỳnh Văn Th và bà Đoàn Thị H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn Ch, bà Huỳnh Thị Thu và bà Huỳnh Thị Thu Đ về việc giao cho ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr và bà Trần Thị Kh được quyền sử dụng diện tích đất mương đang tranh chấp 388m^2, trừ lộ giới 27,7m^2, còn lại 360,3m^2 tại thửa số 141-A, tờ bản đồ số 3-5, đất toạ lạc tại ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Diện tích đất có vị trí và số đo như sau:

- Phía Bắc giáp tim lộ, cạnh AB = 4,7m;

- Phía Đông, giáp thửa đất số 141A còn lại của ông Th, cạnh BH = 128,2m;

- Phía Nam giáp đất bà Trần Thị A , cạnh HL =1,4m;

- Phía Tây giáp Trần Thị Tr, cạnh AL = 128,5m.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2012 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp ông Ch, bà Th và bà Đ không tự nguyện thì ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr và bà Trần Thị Kh có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện A tổ chức thi hành.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện A điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự đúng với diện tích đất thực tế đang sử dụng khi các đương sự có yêu cầu.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá, chi phí dịch thuật và lệ phí Ủy thác tư pháp, phía anh Huỳnh Văn Ch đại diện cho các đồng thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Th, bà H đã nộp xong và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

5. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr và bà Trần Thị Kh liên đới phải chịu án phí không giá ngạch 200.000 đồng. Hoàn trả cho đồng thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Th, bà H gồm bà Huỳnh Thị Thu Đ, bà Huỳnh Kim Th, ông Huỳnh Văn Ch, ông Huỳnh Văn S và Huỳnh Văn Tr tiền

tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06909 ngày 30/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr và bà Trần Thị Kh phải chịu nộp án phí dân sự phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Trần Thị Kh nộp thay ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị Tr và bà Trần Thị Kh theo các biên lai thu tiền số 0007072, 0007073, 0007074 cùng ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn